

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 10-8-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Na.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1969, vắng mặt;

Cư trú tại: Tổ 2, khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1965, vắng mặt;

Cư trú tại: Tổ 6, ấp M, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 7 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1988, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn, bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C;

- Về con chung: Bà T và ông C chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Chí A, sinh ngày 16/01/1989; cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 10/10/1993. Hiện nay cháu A, cháu B đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 23/7/2020 và các lời khai tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Ngọc C trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông đồng ý với lời trình bày của bà T về quá trình chung sống vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị T;

- Về con chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về con chung. Hiện nay cháu A, cháu B đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu giải quyết.

\* Tại phiên toà sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị T, bị đơn ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Do vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ. Các đương sự đều có địa chỉ, nơi cư trú rõ ràng; không có đương sự cư trú ở nước ngoài và tài sản tranh chấp ở nước ngoài. Các điều kiện này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

- Ngày 31/7/2020 bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Ngọc C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông C.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Ngọc C chung sống vợ chồng từ năm 1988 đến nay có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn, nên việc chung sống giữa bà T, ông C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Ngọc C.

[3] Về con chung: Bà T, ông C chung sống vợ có hai con chung là cháu Nguyễn Chí A, sinh ngày 16/01/1989; cháu Nguyễn Chí B, sinh ngày 10/10/1993. Hiện nay cháu A, cháu B đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Ngọc C không yêu cầu giải quyết;

[5] Về án phí: Bà T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 7, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Ngọc C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004301 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà Phạm Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Na**